

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS

Tầng 10, Tòa nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT	3 - 4
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	5
BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG	6 - 13
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	14 - 16

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS

Tầng 10, Tòa nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán AIS (sau gọi tắt “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 đã được soát xét.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
<u>Hội đồng quản trị</u>			
Bà Nguyễn Ngô Thị Thu Phương	Chủ tịch	28/12/2018	
Ông Trần Tiến Thăng	Thành viên	28/12/2018	
Bà Vũ Phương Liên	Thành viên	28/12/2018	
<u>Tổng Giám đốc</u>			
Ông Phan Trường Sơn	Tổng Giám đốc	19/5/2009	7/3/2019
Ông Trần Tiến Thăng	Tổng Giám đốc	7/3/2019	
<u>Ban kiểm soát</u>			
Bà Trần Thị Lệ Thùy	Trưởng ban	28/12/2018	
Bà Trần Hà Anh	Thành viên	28/12/2018	
Bà Châu Ngọc Dung	Thành viên	28/12/2018	

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là bà Nguyễn Ngô Thị Thu Phương, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và đảm bảo rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình vốn khả dụng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, phù hợp với quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



NGUYỄN NGÒ THỊ THU PHƯƠNG - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán AIS, tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, được lập ngày 15 tháng 8 năm 2019, từ trang 6 đến trang 16 kèm theo.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán AIS chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính theo các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả soát xét của Chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép Chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng Chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của Chúng tôi, Chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến Chúng tôi cho rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán AIS tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

BÁO CÁO SOÁT XÉT (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2019



NGUYỄN THỊ THOM - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lru Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS

Tầng 10, Tòa nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019


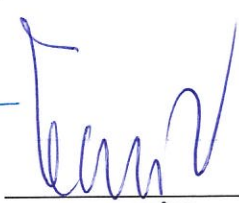

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

TT	Các chỉ tiêu	Chi tiết	Giá trị rủi ro /Vốn khả dụng
1.	Tổng giá trị rủi ro thị trường	PHẦN IIA	14.656.770.293
2.	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	PHẦN IIB	7.710.167.679
3.	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	PHẦN IIC	15.000.000.000
4.	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	PHẦN II	37.366.937.972
5.	Vốn khả dụng	PHẦN I	95.792.947.533
6.	Tỷ lệ vốn khả dụng (6=5/4)		256,36%



Thành phố Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2019


NGUYỄN NGÔ THỊ THU PHƯƠNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
PHẠM THỊ VÂN
Kế toán trưởng
PHẠM THỊ VÂN
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS

Tầng 10, Tòa nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

PHẦN I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

Đơn vị tính: VND

TT	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A.	Vốn Chủ sở hữu	(1)	(2)	(3)
1.	Vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	155.000.000.000		
2.	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	-		
3.	Cổ phiếu quỹ			
4.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn			
5.	Vốn khác của chủ sở hữu			
6.	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý			
7.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ			
8.	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-		
9.	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu			
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(45.564.862.224)		
11.	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	6.543.636		
12.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định			
13.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
14.	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			
15.	Toàn phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		(6.543.636)	20.859.809
16.	Vốn khác (nếu có)			
1A	Tổng			109.455.997.585
B.	Tài sản ngắn hạn			
I.	Tài sản tài chính		85.100.000	
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền			
2.	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) - Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
3.	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) - Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
4.	Các khoản cho vay			
5.	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) - Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
6.	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp			
7.	Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản tài chính, Phải thu và dự thu cổ tức, Tiền lãi từ các tài sản tài chính) - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
8.	Chứng quyền có bảo đảm, chưa phát hành hết			
9.	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			
10.	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS

Tầng 10, Tòa nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

11.	Phải thu nội bộ - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
12.	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán + Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống + Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
13.	Các khoản phải thu khác + Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống + Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		85.100.000	
14.	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu		190.784.684	
II.	Tài sản ngắn hạn khác			
1.	Tạm ứng Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày			-
2.	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ		190.784.684	
3.	Chi phí trả trước ngắn hạn			
4.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn			
5.	Thuế GTGT được khấu trừ			
6.	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			
7.	Tài sản ngắn hạn khác			
8.	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác		275.884.684	
1B	Tổng			
C	Tài sản dài hạn			
I	Tài sản tài chính dài hạn			
1.	Các khoản phải thu dài hạn			
2.	Các khoản đầu tư Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)			
2.1	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường - Chứng khoán bị giảm trừ khối vốn khả dụng			
2.2	Đầu tư vào công ty con			
2.3	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
2.4	Đầu tư dài hạn khác		8.207.056.930	
II	Tài sản cố định			
III	Bất động sản đầu tư		4.637.109.900	
IV	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		542.998.538	
V	Tài sản dài hạn khác		5.000.000	
1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		417.998.538	
2.	Chi phí trả trước dài hạn			
3.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		120.000.000	
4.	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán			
5.	Tài sản dài hạn khác			
VI.	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn			
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5		13.387.165.368	
1C	Tổng			
D	Các khoản ký quỹ, đảm bảo			
1.	Giá trị ký quỹ			

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS

Tầng 10, Tòa nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)			
1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)			
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			
2.	Giá trị tài sản đảm bảo cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày			
1D	Tổng		-	
VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C - 1D				95.792.947.533

Ghi chú:**B. Tài sản ngắn hạn****I. Tài sản tài chính**

13. Các khoản phải thu khác 85.100.000
+ Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày

Bao gồm:

Trả trước cho người bán 85.100.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS

Tầng 10, Tòa nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

PHẦN II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

Đơn vị tính: VND

PHẦN IIA. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạn mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ			1.057.534.690	-
1.	Tiền mặt (VND)	0%	1.057.534.690	-
2.	Các khoản tương đương tiền	0%		-
3.	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%		-
II. Trái phiếu chính phủ				-
4.	Trái phiếu chính phủ không trả lãi	0%		-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định			
5.1	Trái phiếu chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc ngân hàng trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, AIDB, AFDB, EIB và EBRS	3%		-
III. Trái phiếu doanh nghiệp			45.086.016.201	11.271.504.050
6.	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%		-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới từ 1 đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%		-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới từ 3 đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%		-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%		-
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	45.086.016.201	11.271.504.050
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới từ 1 đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%		-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới từ 3 đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35%		-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%		-
IV. Cổ phiếu			35.290.230	3.815.028
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM, chứng chỉ quỹ đại chúng mở	10%	29.815.030	2.981.503

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS

Tầng 10, Tòa nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.	15%	5.230.300	784.545
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	244.900	48.980
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	-	-
12	Cổ phiếu của Công ty đại chúng khác	50%	-	-
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				
13	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%		-
14	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%		-
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch				
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%		-
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%		-
VII. Chứng khoán Phái sinh				
17.	Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8%		
18.	Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3%		
VIII. Chứng khoán khác				
19.	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%		-
20.	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn	25%		-
21.	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc chỉ số đạt chuẩn	100%		-
22.	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8%		-
23.	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	10%		-
24.	Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành ($Ro=(PoxQoxk-P1xQ1)xR-MD$)			
25.	Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)			
26.	Phân chênh lệch giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm			
IX. Rủi ro tăng thêm (nếu có) (được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)				3.381.451.215
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
	Trái phiếu BOSE 1 2017	30%	11.271.504.050	3.381.451.215
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A = I + II + III + IV + V + VI + VII + VIII + IX)				14.656.770.293

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS

Tầng 10, Tòa nhà Horizon Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

PHẦN IIB. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN

TT	Chỉ tiêu	Giá trị rủi ro
I.	Rủi ro trước thời hạn thanh toán	5.937.559.117
II.	Rủi ro quá thời hạn thanh toán	-
III.	Rủi ro tăng thêm	1.772.608.562
Tổng giá trị rủi ro thanh toán		7.710.167.679

I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán

	Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
		0,0%	0,8%	3,2%	4,8%	6,0%	8,0%	
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
1.	Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác	-	-	-	-	5.908.695.205	28.863.912	5.937.559.117
2.	Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
3.	Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
4.	Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
5.	Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN								5.937.559.117

Chi tiết hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được xác định như sau:

	Đối tác thanh toán cho Công ty	Hệ số rủi ro thanh toán
(1)	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;	0%
(2)	Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán	0,80%
(3)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	3,20%
(4)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty	4,80%
(5)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam	6%
(6)	Các tổ chức, cá nhân khác	8%

II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán

	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1.	0 - 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%	-	-
2.	16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng	32%	-	-
3.	31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng	48%	-	-
4.	Từ 60 ngày trở lên	100%	-	-
TỔNG RỦI RO QUÁ THỜI HẠN THANH TOÁN				

III. Rủi ro tăng thêm

	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
	Chứng chỉ tiền gửi	30%	5.908.695.205	1.772.608.562
TỔNG RỦI RO TĂNG THÊM				1.772.608.562

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS

Tầng 10, Tòa nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

PHẦN IIC. GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

TT	Nội dung	Giá trị
I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	1.617.149.462
	Các khoản giảm trừ tổng chi phí	434.942.761
	1. Chi phí khấu hao	432.373.841
	2. Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp ngắn hạn	2.568.920
II.	3. Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn	-
	4. Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	-
	5. Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	-
	6. Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	-
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	1.182.206.701
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	295.551.675
V.	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	15.000.000.000
	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (MAX{IV,V})	15.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS

Tầng 10, Tòa nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

I. ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán AIS tên giao dịch là AIS Securities Joint Stock Company, tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Dương, được thành lập và hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh chứng khoán số 60/UBCK-GP ngày 18 tháng 9 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp bổ sung các văn bản điều chỉnh bổ sung như sau:

- Quyết định số 83/UBCK-GPĐCCTCK ngày 19 tháng 10 năm 2007, chuẩn y cho việc thay đổi tên viết tắt của Công ty từ DSI thành DDS;
- Quyết định số 94/UBCK-GPĐCCTCK ngày 6 tháng 12 năm 2007, chuẩn y cho việc bổ sung địa chỉ trụ sở của Công ty từ số 150 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh thành số 148-150 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 103/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 7 năm 2012, chuẩn y về việc rút nghiệp vụ môi giới chứng khoán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Dương;
- Quyết định số 02/2012/QĐ-SCDHCM ngày 01 tháng 8 năm 2012, chuẩn y về việc chấm dứt tư cách thành viên giao dịch của Công ty;
- Quyết định số 268/QĐ-SGDHN ngày 01 tháng 8 năm 2012, chuẩn y về việc chấm dứt tư cách thành viên giao dịch thị trường cổ phiếu niêm yết và tư cách thành viên giao dịch thị trường đăng ký giao dịch (upcom) của Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Quyết định số 176/QĐ-VSD ngày 15 tháng 10 năm 2012, chuẩn y về việc thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký chứng khoán;
- Giấy phép điều chỉnh số 120/GPĐC-UBCK ngày 5 tháng 11 năm 2012, chuẩn y cho việc thay đổi địa chỉ trụ sở của Công ty từ số 148-150 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh sang Tầng 3, số 2B-2C Hồ Xuân Hương, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 321/QĐ-UBCK ngày 4 tháng 5 năm 2018, chuẩn y về việc chấp thuận chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông trong Công ty;
- Giấy phép điều chỉnh số 74/GPĐC-UBCK ngày 6 tháng 9 năm 2018, chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 125.000.000.000 VND lên 155.000.000.000 VND;
- Quyết định số 1162/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 12 năm 2018, chuẩn y về việc chấp thuận chuyển nhượng cổ phần chiếm 90,22% vốn điều lệ của Công ty;
- Giấy phép điều chỉnh số 04/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 01 năm 2019, chuẩn y cho việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Ngô Thị Thu Phương, chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty;
- Giấy phép điều chỉnh số 28/GPĐC-UBCK ngày 7 tháng 5 năm 2019, chuẩn y cho việc thay đổi tên Công ty từ “Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Dương” sang “Công ty Cổ phần Chứng khoán AIS”, tên giao dịch là AIS Securities Joint Stock Company và thay đổi địa điểm trụ sở

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS

Tầng 10, Tòa nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

chính từ “Tầng 3, số 2B-2C Hồ Xuân Hương, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh” đến “Tầng 10, Tòa nhà Horison Tower, số 40 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội”;

- Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 5 năm 2019, chuẩn y cho việc bổ sung nghiệp vụ kinh doanh : Môi giới chứng khoán.

• **Vốn pháp định** : 75.000.000.000 VND

• **Vốn điều lệ** : 155.000.000.000 VND

Cơ cấu góp vốn điều lệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 như sau:

Stt	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Bà Nguyễn Ngô Thị Thu Phương	Số 51 ngõ 82 Phạm Ngọc Thạch, Quang Trung Đống Đa, Hà Nội	1.526.000	15.260.000.000	9,85
2	Ông Nguyễn Quý Lâm	Số 61, Tổ 4 Cống Vị Hà Nội	1.500.000	15.000.000.000	9,68
3	Bà Trần Thị Thu Trang	B25 khu X4, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	1.490.000	14.900.000.000	9,61
4	Ông Trần Tiến Thăng	Thửa đất 103B tổ 1, Văn Nội, Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	1.516.000	15.160.000.000	9,78
5	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Số 1608 tòa nhà Rainbow, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	1.398.000	13.980.000.000	9,02
6	Ông Nguyễn Việt Đức	Số 568 Đê La Thành, Phường Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	1.420.000	14.200.000.000	9,16
7	Bà Nguyễn Thị Duyên	Tổ 17, Trung Hòa, Hà Nội	1.450.000	14.500.000.000	9,35
8	Ông Đỗ Duy Tân	Số LD5/528 Bạch Đằng, phường Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội	1.480.000	14.800.000.000	9,55
9	Bà Vũ Phương Liên	Số 196 Lạc Trung, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	1.117.000	11.170.000.000	7,21
10	Bà Giang Thị Hạnh	Số 20B2, khu TT Quân khu Thủ Đô, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	1.323.000	13.230.000.000	8,54
11	Bà Trần Hà Anh	Số 1-178 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội	1.280.000	12.800.000.000	8,26
Cộng			15.500.000	155.000.000.000	100,00

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS

Tầng 10, Tòa nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

• Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 10, Tòa nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : (84-024) 35683555

Fax : (84-024) 32121615

Mã số thuế : 0 3 0 5 1 9 1 6 5 5

2. Ngành, nghề kinh doanh

Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

3. Nhân viên


Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 20 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 3 người).


II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH VÀ MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 được lập và trình bày phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính. Báo cáo này chỉ được sử dụng để nộp cho các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

Báo cáo này được lập chủ yếu trên cơ sở số liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán.

Thành phố Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2019





NGUYỄN NGÔ THỊ THU PHƯƠNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



PHẠM THỊ VÂN
Kế toán trưởng



PHẠM THỊ VÂN
Người lập biểu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo